

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT

Ngày: 14-02-2023

V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất
và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Trương Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 04-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐPT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1966; có mặt.

1.2. Bà Ngô Thị K, sinh năm 1963; vắng mặt.

Cùng cư trú: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp Suối Cao B, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 31-5-2021); có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1954; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Tổ T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khu phố Ch, phường Gi, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 14-4-2022); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim D trình bày:

Ông Phạm Văn Nh là em ruột thứ 9 của ông Phạm Văn H. Cha mẹ ông Nh và ông H là cụ Phạm Văn T1 (chết năm 1990) và cụ Ngô Thị H1 (chết năm 1970).

Năm 2006, sau khi ông Nh nộp đơn yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã H, huyện G để giải quyết chia di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại thì ông H có đồng ý sang tên phần đất có diện tích mà cha mẹ chết để lại cho ông Nh có diện tích là ngang 5,4 mét x dài khoảng hơn 36 mét (tức là dài hết đất mà hiện nay ông Nh đang sử dụng). Sau đó, ông H chỉ vị trí để ông Nh đổ đất và làm nền lên cao hơn 01 mét để xây dựng nhà ở từ năm 2006 cho đến nay. Tuy nhiên, ông H vẫn chưa làm thủ tục tách thửa đất trên để sang tên đất này cho vợ chồng ông Nh nên năm 2011 ông Nh có nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện G để yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với diện tích đất này thì ông H mới đồng ý tách đất này cho ông Nh và ông Nh rút lại đơn khởi kiện. Sau đó, ông H là người đi làm thủ tục tách đất và khi làm thủ tục tách thửa đất này, do không hiểu biết nên phần đất mà vợ chồng ông Nh được tách và được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04-01-2013 với diện tích đất là 152,6 m², thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên so với diện tích đất thực tế hiện nay mà vợ chồng ông Nh đang quản lý, sử dụng thì đang còn thiếu diện tích đất là 61,4 m², thuộc 01 phần của thửa đất 616, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh và diện tích đất này lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện G cấp cho ông H đứng tên.

Nay vợ chồng ông Nh yêu cầu ông H cùng vợ là bà Đỗ Thị D1 có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất còn thiếu đối với diện tích đất là 61,4 m², thuộc 01 phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh mà ông H đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Nh không đồng ý tháo dỡ hàng rào và di dời các tài sản có trên đất tranh chấp này để trả lại đất tranh chấp này

cho vợ chồng ông H theo như yêu cầu phản tố của ông H. Ngoài ra, vợ chồng ông Nh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Văn H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Tố T trình bày:

Năm 1978, cha mẹ của ông H có cho bằng miệng cho ông H là quyền sử dụng đất thổ cư với diện tích 400 m², thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299) chuyển lười thành thửa đất số 624, tờ bản đồ số 42 (bản đồ 2005), đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh và ông H tự đi kê khai, đăng ký để được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01516QSDĐ/450803 ngày 17-7-1998. Theo như giấy đất này thể hiện ông H được cấp diện tích đất 4.784 m², thuộc các thửa đất số 179, 310, 548, 549, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299). Sau nhiều lần chỉnh lý biến động của giấy đất trên thì hiện nay ông H đang còn đứng tên đối với thửa đất số 616 là thửa đất mà hai bên đang xảy ra tranh chấp đất như hiện nay.

Năm 2006, ông Nh từ Thành phố Hồ Chí Minh về xin thỏa thuận đổi đất với ông H, cụ thể hai bên thỏa thuận đổi là diện tích 495 m² (ngang 15 mét x dài 33 mét) đất ruộng của ông Nh tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 42 để lấy đất của ông H có diện tích 145,6 m² đất thổ cư (ngang 5,4 mét mặt tiền, 5 mét mặt hậu x dài 28 mét) tại thửa đất số 624, tờ bản đồ số 42, cả 02 phần đất trên đều tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh để tiện cho việc kinh doanh buôn bán của ông Nh. Vì tình nghĩa anh em với nhau nên ông H đồng ý và việc thỏa thuận đổi đất này chỉ nói bằng miệng mà không làm giấy tờ gì. Năm 2011 ông Nh đã ký sang tên đất ruộng mà ông Nh đã thỏa thuận đổi cho ông H như trên. Đến năm 2013 ông Nh lấy giấy đất của ông H để làm thủ tục tách diện tích 154,6 m² đất thổ cư này để làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 42. Nhưng ông Nh đã tự ý chiếm thêm diện tích đất đang xảy ra tranh chấp là 61,4 m² mà đất này hiện nay do ông H đang đứng tên và bản chính giấy đất này ông H đang giữ, không có cầm cố, thế chấp hay chuyển quyền cho ai đất này.

Vào năm 2008, ông H có đến UBND xã H để hòa giải tranh chấp chia di sản thừa kế như Biên bản hòa giải ngày 28-8-2008 của UBND xã H đã thể hiện, nhưng tại buổi hòa giải hai bên đã không thỏa thuận được do ông H không đồng ý chia đất cho ông Nh cùng với bà Phạm Thị Hê là em ruột của ông H vì đất này ông H đã được cha mẹ chia cho trước đây.

Nay vợ chồng ông H không đồng ý thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất còn thiếu đối với diện tích đất 61,4 m², thuộc một phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho vợ chồng ông Nh vì đất này của vợ chồng ông H và ngược lại, ông H yêu cầu vợ chồng ông Nh phải tháo dỡ hàng rào và di dời các công trình phụ có trên đất đang tranh chấp này để trả lại diện tích đất 61,4 m² cho vợ chồng ông H. Ngoài ra, ông H không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D1 trình bày:

Bà là vợ của ông Phạm Văn H nên bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông H. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 04-11-2022, của Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tây Ninh. Quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 147, 157, 165 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 158, 163, 164, 166, 169 và 221 của Bộ luật Dân sự; các điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K đối với bị đơn ông Phạm Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D1 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị D1 giá trị của phần đất có diện tích là 61,4 m², loại đất HNK, thuộc 01 phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01516QSDĐ/450803 do UBND huyện G cấp cho ông H đứng tên ngày 17-7-1998 có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 49 dài 4,80 m + 7,71 m, Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 616 dài 4,52 m + 7,74 m, Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 616 dài 4,79 m và Bắc giáp thửa đất số 508 dài 5,15 m tương đương với số tiền là 18.420.000 (Mười tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Giao cho ông Nh và bà K được quyền sử dụng phần đất có diện tích như mục 1 của phần quyết định đã thể hiện như trên (Có Bản trích đo chính lý bản đồ địa chính kèm theo).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông H về việc yêu cầu vợ chồng ông Nh phải tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất để trả lại đất cho ông H và bà Dung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15-11-2022, ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa:

Ông Nh trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện ông H trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông Nh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 04-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 04-11-2022, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 15-11-2022, nguyên đơn ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K có đơn kháng cáo. Kháng cáo của ông Nh, bà K còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 61,4 m², loại đất HNK, thuộc 01 phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh trị giá đất là 18.420.000 đồng là của cụ Phạm Văn T1 (chết năm 1990) và cụ Ngô Thị H1 (chết năm 1970) là cha mẹ của ông Nh và ông H để lại.

[2.2] Năm 2006, ông Nh xây nhà tường kiên cố trên diện tích 214 m² khi đăng ký ông được cấp diện tích 152,6 m² diện tích còn lại 61,4 m² do ông H đã kê khai đăng ký vào năm 1998 được cấp 4.784 m² trong đó có đất thổ cư đất vườn, đất rẫy màu, đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01516QSDĐ/450803 do UBND huyện G cấp cho ông H đứng tên ngày 17-07-1998. Trên diện tích 61,4 m² đất đang tranh chấp có tài sản của ông Nh, bà K xây dựng vào năm 2006 gồm: 01 Phần nhà gạch cấp 4 có diện tích 20,4 m² nằm trong tổng diện tích 80,7 m², kết cấu: Móng gạch, tường gạch, cột gạch có tô, nền gạch men, ốp gạch bên trong cao lên 2,4 m, có nhà vệ sinh bên trong nhà, cửa sắt kính, trần có la thông, xây dựng năm 2006; 01 chuồng gà có diện tích 7 m², kết cấu: Tường gạch không tô, có 01 phần là vách cây, mái tole, nền xi măng, không cửa; 01 hàng rào lưới B40 dài 12,71 m, kết cấu: Xây chân, tô chân, trụ xi măng, vách tole; hồ ga có diện tích 5 m² và 01 mái che có diện tích 4 m², kết cấu: Mái tole, nền xi măng, không cột, trụ được đưa ra từ chuồng gà.

[2.3] Do ông Nh xây nhà và công trình phụ trên diện tích 214 m² sinh sống ông Nh không biết đất ông Nh sử dụng có diện tích 152,6 m², ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu ông H làm thủ tục

chuyển quyền thì ông H không đồng ý nên ông Nh có kiện ông H, tại Biên bản hòa giải ngày 23-02-2008, ông H thừa nhận đất là của cha mẹ để lại anh chị em được quyền cất nhà và ông đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào có đủ mặt các anh em trong gia đình về bàn bạc thống nhất phân chia cụ thể (Bút lục 60). Do ông H không thực hiện việc làm thủ tục tách quyền sử dụng đất nên ngày 19-04-2008 bà Vui chị ruột ông Nh và ông Nh kiện ông H được ủy ban nhân dân ấp C giải quyết tại Biên bản làm việc bà Ghê chị ruột ông H và ông Nh ý kiến đề nghị phân đất còn lại của ông Nh và ông H chia đôi từ mặt tiền đất đến mặt hậu đất sản xuất, ông H đồng ý (Bút lục 59).

[2.4] Ngày 04-05-2008, tại nhà ông H có cán bộ địa chính xã, trưởng ấp, chi hội nông dân lập biên bản tiến hành đo đạc xác định mỗi người một phần đất thổ cư. Phần đất sản xuất chia đôi sổ dọc từ trên xuống dưới do ông Phạm Văn H và ông Phạm Văn Nh mỗi người chủ quyền một phần theo đo đạc thực tế (Bút lục 57). Do ông H không thực hiện nên ông Nh có đơn khởi kiện ông H. Ngày 28-08-2008, Ủy ban nhân dân xã H giải quyết tại buổi hòa giải ông H đồng ý tách cho ông Nh phần đất ngang 5,4 m x 30 m, ông Nh phải tách cho ông 01 công đất, ông Nh không đồng ý (Bút lục 55,56).

[2.5] Xét thấy diện tích 61,4 m² là đất của cụ Tua và cụ Hoi là cha mẹ của ông Nh và ông H nhưng ông Nh là người đổ đất xây nhà và xây dựng công trình phụ từ năm 2006, quản lý, sử dụng, ổn định liên tục, hiện nay một phần nhà và các công trình phụ xung quanh diện tích đất này có xây phía dưới chân xây gạch trên lưới B40. Ông H sống gần không có ý kiến gì. Nên ông Nh, bà K kiện yêu cầu ông H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nh, bà K diện tích 61,4 m² là có căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nh, bà K.

[3] Xét yêu cầu phản tố của ông H thì thấy rằng diện tích 61,4 m² nguồn gốc của cha mẹ của ông H và ông Nh để lại. Ông H cho rằng ông được cha mẹ ông là cụ Tua và cụ Hoi cho nhưng ông Nh không thừa nhận, ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc tặng cho đất giữa cụ Tua, cụ Hoi với ông H. Ông H tự kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không quản lý sử dụng. Ông Nh là người đổ đất xây nhà, xây công trình phụ, xây hàng rào kiên cố trên đất trực tiếp quản lý, sử dụng, ổn định, liên tục từ năm 2006 đến nay. Ông H sống gần nhà ông Nh thấy ông Nh xây nhà, xây công trình phụ và xây hàng rào trên đất, giáp đất ông H nhưng ông H không có ý kiến gì. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H đòi quyền sử dụng diện tích 61,4 m² đối với ông Nh, bà K là không có cơ sở.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 04-11-2022 của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Nh, bà K số tiền đã nộp là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm chục nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0024024 ngày 25-02-2022 và theo Biên lai thu số 0024643 ngày 26-09-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các điều 26, 147, 157, 165 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 158, 163, 164, 166, 169 và 221 của Bộ luật Dân sự; các điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 04-11-2022, của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K đối với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị D1 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.
4. Ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 61,4 m², loại đất HNK, thuộc 01 phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ 42, đất tọa lạc tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01516QSDĐ/450803 do UBND huyện G cấp cho ông Phạm Văn H đứng tên ngày 17-7-1998 có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 49 dài 4,80 m + 7,71 m, Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 616 dài 4,52 m + 7,74 m, Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 616 dài 4,79 m và Bắc giáp thửa đất số 508 dài 5,15 m tương đương với số tiền là 18.420.000 (*Mười tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng. (*Có Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính kèm theo*).

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H về việc yêu cầu ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K phải tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất để trả lại đất cho ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị D1.

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như phần quyết định của bản án.

7. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh điều chỉnh, thu hồi một phần của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Văn H như trên để thực hiện theo phần quyết định của bản án.

8. Về án phí:

8.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Nh và bà Ngô Thị K không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K số tiền đã nộp là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0024024 ngày 25-02-2022 và theo Biên lai thu số 0024643 ngày 26-09-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

8.2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn trả lại cho ông Phạm Văn Nh, bà Ngô Thị K tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0024925 ngày 17-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

9. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân